**Tiết 78 : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TỪ NGỮ TOÀN DÂN, TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG, BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

***1 Về kiến thức:***

- Tri thức về từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.

***2 Về năng lực:***

- Xác định được từ ngữ địa phương, chỉ ra được nghĩa và tác dụng của chúng đối với việc phản ánh con người, sự vật.

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, hiểu nghĩa và chỉ ra được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện đặc điểm của nhân vật hoặc nhóm xã hội sử dụng.

- Viết được đoạn văn nêu ý kiến về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.

***3 Về phẩm chất:***

*-* Biết cách sử dụng từ láy, biện pháp tu từ ẩn dụ trong khi viết bài và giao tiếp hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Hiện nay trên mạng xã hội facebook có 1 group đang ngày càng đông thành viên có tên là “Flex đến hơi thở cuối cùng”. Bạn hiểu thế nào về từ “flex”?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  *-* GV nhận xét, đánh giá, chốt. | “Flex” -> biệt ngữ xã hội |

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được từ ngữ địa phương, chỉ ra được nghĩa và tác dụng của chúng đối với việc phản ánh con người, sự vật.

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, hiểu nghĩa và chỉ ra được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện đặc điểm của nhân vật hoặc nhóm xã hội sử dụng.

- Viết được đoạn văn nêu ý kiến về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *+ Em hiểu thế nào là từ toàn dân, từ địa phương và biệt ngữ xã hội?*  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** thực hiện nhiệm vụ  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ  **B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức .  **NV2 :**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Dựa vào văn bản Về thăm mẹ đã học, hãy chỉ ra phép tu từ ẩn dụ có trong câu:*  *Áo tơi qua buổi cày bừa*  *Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm*  *Từ đó, hãy nhắc lại khái niệm về biện pháp tu từ ẩn dụ?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - GV củng cố kiến thức: Biện pháp tu từ ẩn dụ nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | **I. Lí thuyết**  ***1. Từ toàn dân***  - Từ ngữ được sử dụng rộng rãi trong mọi vùng miền của đất nước.  *VD: cha, mẹ, sắn, ngô, gì, nào, sao, thế,…*  - Là khối từ ngữ cơ bản và có số lượng lớn nhất của ngôn ngữ.  - Từ ngữ toàn dân không chỉ có vai trò quan trọng trong giao tiếp ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mà còn là cơ sở cho sự thống nhất ngôn ngữ. Hiểu được nghĩa và sử dụng đúng từ ngữ toàn dân là điều kiện để giao tiếp có hiệu quả.  **2. Từ ngữ địa phương**  - Là những từ ngữ được sử dụng ở một vùng miền nhất định.  *VD: thầy, u, mì, bắp, chi, răng, rứa,…*  - Số lượng không lớn, phạm vi dùng hạn chế  - Phản ánh nét riêng của con người, sự vật mỗi vùng miền, có vai trò quan trọng đối với hoạt động giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày và đối với sáng tác văn chương.  - Cần hiểu được nghĩa và biết sử dụng đúng chỗ, đúng mức nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp.  **3. Biệt ngữ xã hội**  - Là những từ ngữ được dùng với nghĩa riêng trong một nhóm xã hội nhất định.  *VD: pó tai, rùi, bít, ga tô,…*  - Trong tác phẩm văn chương, lời ăn tiếng nói của nhân vật cũng có thể phản ánh biệt ngữ của nhóm xã hội mà nhân vật thuộc vào.  - Việc sử dụng cần có chừng mực để đảm bảo hiệu qủa giao tiếp và giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:** làm bài tập 1  + Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn?”.  + Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm được phát 1 phiếu học tập.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Từ ngữ địa phương** | **Vùng sử dụng** | **Tác dụng** | | a |  |  |  | | b |  |  |  | | c |  |  |  | | d |  |  |  |   + Mỗi nhóm có 5 phút để thực hiện nhiệm vụ.  + GV chiếu đáp án lên bảng. Các nhóm chấm chéo cho nhau. Nhóm chiến thắng được tặng phần quà nhỏ hoặc cộng điểm miệng cho mỗi thành viên.  *a. Sáng ra bờ suối, tối vào hang*  *Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng (Hồ Chí Minh)*  *b. Muôn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc! (Thép Mới)*  *c. Chị cho tôi một gói độ mười viên thuốc cảm và một đòn bánh tét (Đoàn Giỏi)*  *d. Thuyền em đã nhẹ, chèo lẹ khó theo (Ca dao)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV2: Bài tập 2**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 2.  *Giải thích nghĩa của các từ in đậm dưới đây bằng các từ toàn dân cùng nghĩa:*  *a. … Lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng* ***dòm ngó*** *đến… (Nam Cao)*  *b. Đón* ***ba, nội*** *gầy gò, cười phô cả lợi:*  *-* ***Má*** *tưởng con không về được, mưa gió tối trời vầy khéo cảm. (Nguyễn Ngọc Tư)*  *c. Một hôm, chú Biểu đến nhà, chú mang theo xâu ếch dài* ***thiệt*** *dài, bỗ bã:*  *- Cái này má* ***gởi*** *cho* ***mầy****, má* ***biểu*** *phải đem đến tận nhà. (Nguyễn Ngọc Tư)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.  **NV3: Bài tập 3**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3.  Việc sử dụng các biệt ngữ xã hội (có dấu ngoặc kép) trong những câu sau (ở tác phẩm *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng) có tác dụng thể hiện đặc điểm của các nhân vật như thế nào?  *a. Nó hết sức theo dõi nhưng không làm sao đến gần được vì “bỉ” này “hắc” lắm.*  *b. Cái “cá” ngon làm vậy thằng “vỏ lõi” nó còn “mõi” được huống hồ chị …*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **Bài tập 1:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **TNĐP** | **Vùng** | **Tác dụng** | | a | bẹ (ngô) | miền núi phía Bắc | - Bổ sung thông tin về nơi Bác Hồ đã từng sống và làm việc (vùng Việt Bắc).  - Qua đó, cho biết thêm về cuộc sống gian lao nhưng tràn đầy tinh thần lạc quan của Người. | | b | tầm vông  (loại tre thân nhỏ, gióng dài, không gai, đặc ruột và cứng, thường dùng làm gậy) | Nam Bộ | - Phản ánh một loại vũ khí thô sơ được sử dụng phổ biến và có hiệu quả trong cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ chống thực dân Pháp. | | c | đòn (từ chỉ đơn vị)  bánh tét (loại bánh làm bằng gạo nếp, nhân đỗ xanh, thịt lợn, hình trụ) | miền Trung | Giúp người đọc nhận ra sự vật và sự việc được nói tới là ở một tỉnh miền Nam. | | d | lẹ (nhanh) | miền Nam | Giúp người đọc nhận ra sự vật và sự việc được nói tới là ở một tỉnh miền Nam. |   **Bài tập 2:**  a. Dòm ngó: nhòm ngó  b. Ba: bố, cha  Nội: bà nội, ông nội  Má: mẹ  c. Thiệt: thật  Gởi: gửi  Mầy: mày  Biểu: bảo  **Bài tập 3:**  - Các biệt ngữ xã hội được sử dụng trong các câu đã cho:  + bỉ: đàn bà, con gái  + hắc: cẩn thận, khôn ngoan  + cá: ví tiền  + vỏ lõi: kẻ cắp nhỏ tuổi  + mõi: lấy cắp   * Góp phần thể hiện rõ hơn đặc điểm của nhân vật được nói đến: những kẻ thuộc giới lưu manh, trộm cắp. * Việc chúng đặt ra và sử dụng các biệt ngữ xã hội trong giao tiếp là nhằm che giấu những việc làm xấu xa, tội lỗi của mình. |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  Viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) nêu ý kiến của em về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** có thể chia sẻ những nội dung các em viết với các bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau. | Hiện nay, trên mạng xã hội xuất hiện phổ biến hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội, đặc biệt là trong giới trẻ. Đây là hiện tượng bình thường, phản ánh sự vận động của ngôn ngữ dưới tác động của các nhân tố tâm lí, xã hội và phương tiện giao tiếp mới (Internet). Hiện tượng này, xét ở góc độ nào đó, cũng có khía cạnh tích cực (chẳng hạn: đáp ứng nhu cầu, sở thích giao tiếp của một nhóm xã hội nhất định). Tuy nhiên, việc sử dụng biệt ngữ xã hội cần có chừng mực để không ảnh hưởng đến việc giao tiếp trong môi trường giao tiếp chính thức và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.  (Nguồn: SGV ngữ văn 8 cánh diều) |